TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/DS-PT
Ngày: 22 - 4 - 2024
V/v "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; tranh chấp về thừa kế tài sản theo di chúc và theo pháp luật; yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Dư Thành Trung

Ông Nguyễn Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15 và 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 299/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; tranh chấp về thừa kế tài sản theo di chúc và theo pháp luật; yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2024/QĐ-PT ngày 08/3/2024 và Thông báo số 115/TB-PT ngày 05/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu K, sinh năm: 1967; địa chỉ: Số A, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Huy T - Văn phòng luật sư Nguyễn Huy T thuộc Đoàn luật sư tỉnh L; địa chỉ: Số G N, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Q, sinh năm: 1953; địa chỉ: Số A, xóm C, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tý T1, sinh năm: 1986; địa chỉ: Số A, xóm C, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2024.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Cao T2 - Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh L; địa chỉ: Số A N, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn N, sinh năm: 1956; địa chỉ: Số A, xóm C, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1958; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu K, sinh năm: 1967; địa chỉ: Số A, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2021.

3.3. Ông Nguyễn Tấn D1, sinh năm: 1958; địa chỉ: Số A, xóm C, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.4. Ông Nguyễn Tấn T3, sinh năm: 1970; địa chỉ: Số I, xóm A, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1971; địa chỉ: Xóm C, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn N, sinh năm: 1956; địa chỉ: Số A, xóm C, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.6. Ông Nguyễn Tý T1, sinh năm: 1986; địa chỉ: Số A, xóm C, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Cao T2 - Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh L; địa chỉ: Số A N, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.7. Bà Đặng Thị Thu T4, sinh năm: 1993; địa chỉ: Số A, xóm C, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.8. Bà Trần Thị V, sinh năm: 1968; địa chỉ: Số I, xóm A, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.9. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1993; địa chỉ: Số F, thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.10. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1995; địa chỉ: Bệnh viện Đa Khoa tỉnh B - Số E P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3.11. Ông Nguyễn Thành T5, sinh năm: 1998; địa chỉ: Số I, xóm A, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.12. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Anh T6; chức vụ: Trưởng phòng - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3.13. Văn phòng C (nay là Văn phòng C1); trụ sở: địa chỉ: Số C Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T7; chức vụ: Trưởng Văn phòng – Văn phòng C1; địa chỉ: Số C Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tý T1.

(Bà K, luật sư T, ông T1, luật sư T2, ông N, ông D1, ông T3, bà T4 có mặt; các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu K trình bày:

Cha mẹ đẻ của bà là ông Nguyễn T8 (1922 – 2011) và bà Phan Thị T9 (Phan Thị T10) (1926 – 2014). Hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ bà có 07 người con gồm: Ông Nguyễn Q, ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Tấn D1, bà Nguyễn Thị Thu K, ông Nguyễn Tấn T3, bà Nguyễn Thị L (là người mất năng lực hành vi dân sự), từ khi bà T10 chết ông N chăm sóc và là người đại diện theo pháp luật của bà L theo Quyết định số 11/2014/QĐ-VDS ngày 09/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng.

Di sản của ông T8, bà T10 để lại gồm:

- Thửa đất số 357, tờ bản đồ số 07, diện tích 398m^2 tại xã T, huyện Đ. Trên đất có trồng cà phê.

- Thửa đất số 528, tờ bản đồ số 07, diện tích 964m^2 tại xã T, huyện Đ. Trên đất có trồng cà phê.

- Thửa đất số 113, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.908m^2 tại xã T, huyện Đ. Trên đất có trồng cà phê.

- Thửa đất số 241, tờ bản đồ số 07, diện tích 840m^2 tại xã T, huyện Đ. Đất trồng lúa, hiện nay đất để trống.

- Thửa đất số 177, tờ bản đồ số 07, diện tích 5.319m^2 tại xã T, huyện Đ. Trên đất có trồng cà phê và 02 căn nhà cấp 4, hiện nay ông Nguyễn Tý T1 đang sinh sống (một căn nhà 36,54m^2 cấp 4C móng xây gạch, đá, trụ gạch và gỗ chịu lực, mái lợp ngói, đà gỗ, không có la phông; một căn nhà diện tích 41m^2 nhà tạm loại A, móng xây gạch đá, mái lợp tôn, vách xây gạch, nền ciment) và một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm một bộ bàn ghế salông gỗ, một tủ gỗ và một bộ bàn ghế hình chữ nhật bằng gỗ.

- 2.000kg cà phê nhân của vụ mùa 2014 do ông Nguyễn Tý T1 giữ.

Toàn bộ khối tài sản trên hiện nay do ông Nguyễn Tý T1 đang quản lý, sử dụng. Nay bà khởi kiện yêu cầu:

- Tuyên bố tờ di chúc ngày 24/01/2000 là không hợp pháp.

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 14/11/2012 tại Văn phòng C là vô hiệu.

- Yêu cầu Tòa án tuyên hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp đổi cho ông Nguyễn Q, ông Nguyễn Tý T1.

Đối với di sản thừa kế gồm các thửa đất số 177, 241, 528, 113, 357 tờ bản đồ số 07 tại xã T, huyện Đ. Yêu cầu chia thành 07 kỷ phần thừa kế. Để thuận lợi trong việc canh tác sử dụng đất bà yêu cầu chia di sản thừa kế cụ thể như sau:

+ Yêu cầu Tòa án chia cho bà, bà D, ông N, ông D1, ông T3, bà L thửa đất số 177 và 241, trên đất có trồng cà phê và có căn nhà. Do thửa đất số 177 và 241 liền kề với nhau và giáp với nhà, đất của ông D1. Yêu cầu mỗi người nhận 01 kỷ phần, 06 người là 06 kỷ phần thừa kế, các ông bà tự thỏa thuận với nhau đối với 06 kỷ phần, không yêu cầu Tòa án chia cụ thể. Yêu cầu chia cho bà L căn nhà trên thửa đất số 177 và số cà phê do ông T1 giao lại.

+ Yêu cầu Tòa án chia cho ông Q các thửa đất số 528, 113, 357 và cà phê trồng trên các thửa đất này, tờ bản đồ số 07 tại xã T, huyện Đ. Do các thửa này tiếp giáp với đất của ông Q.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Tý T1 yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc ngày 24/01/2000, bà không đồng ý.

Bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 601443, diện tích 840m^2, thửa đất số 241, tờ bản đồ số 7, do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho hộ ông N2 Tấn Thành ngày 28/4/1999 vì thửa đất số 241 trước đó đã cấp cho ông Nguyễn T8 (do cấp chồng sổ).

Bị đơn ông Nguyễn Q trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà K về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông và ông T1, tuyên di chúc không hợp pháp, ông yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo di chúc lập ngày 24/01/2000.

Đối với việc bà K yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 14/11/2012 tại Văn phòng C vô hiệu, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O601443, diện tích 840m^2, thửa đất số 241, tờ bản đồ số 7 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn T3 ngày 28/4/1999 vì thửa đất số 241 trước đó đã cấp cho ông Nguyễn T8 (do cấp chồng sổ).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Tấn D1, ông Nguyễn Tấn T3, bà Nguyễn Thị L trình bày: Ông N, bà D, ông D1, ông T3, bà L yêu cầu mỗi người nhận một kỷ phần thừa kế chia theo pháp luật và thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Tý T1 trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà K. Ông yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo di chúc lập ngày 24/01/2000. Theo đó, ông được hưởng khối di sản mà ông T8, bà T10 để lại bao gồm: *"01 ngôi nhà vách ván, nền đất, lợp ngói có kích thước chiều dài 7m chiều ngang 7m tổng diện tích 49m^2 nằm trên thổ cư tờ bản đồ số 7 hình chữ nhật, số thửa 177, Đông giáp ông Nguyễn Hồng Đ, Tây giáp ông Nguyễn Tấn D1, Nam giáp ruộng, Bắc giáp đường xương cá và đất ngoài đồng số thửa 580 – 241 diện tích 1.162m^2. Tóm lại số đất ông bà để lại cho cháu không được bán, cháu phải có trách nhiệm giữ gìn kỷ cương tông tổ mai sau. Còn phần cô gái út bị tàn tật lâu niên mang tên Nguyễn Thị L sanh năm 1971 được hưởng số thửa lô 113 – 528 – 412 diện tích trong bản đồ số 7. Nhưng số đất của cô gái út đó cháu Nguyễn Tý T1 có quyền làm ăn canh tác nuôi dưỡng cô đến suốt đời. Sau đó số đất của cô do cháu Nguyễn Tý T1 được chủ quyền sử dụng đất".*

Đối với tài sản trên hiện nay ông đang quản lý, sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể là:

+ Thửa đất số 357, tờ bản đồ số 07, diện tích 398m^2 tại xã T, huyện Đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM543942 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 19/3/2013 đứng tên Nguyễn Tý T1. Trên đất có trồng cà phê.

+ Thửa đất số 528, tờ bản đồ số 07, diện tích 964m^2 tại xã T, huyện Đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM543941 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 19/3/2013 đứng tên Nguyễn Tý T1. Trên đất có trồng cà phê.

+ Thửa đất số 113, tờ bản đồ số 07, diện tích 1908m^2 tại xã T, huyện Đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM543943 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 19/3/2013 đứng tên Nguyễn Tý T1. Trên đất có trồng cà phê.

+ Thửa đất số 241, tờ bản đồ số 07, diện tích 796m^2 tại xã T, huyện Đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 543945 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 19/3/2013 đứng tên Nguyễn Tý T1. Đất trồng lúa, hiện để trống.

+ Thửa đất số 177, tờ bản đồ số 07, diện tích 5.319m^2 tại xã T, huyện Đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM543944 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 19/3/2013 đứng tên Nguyễn Tý T1. Trên đất có trồng cà phê và 02 căn nhà cấp 4 hiện nay ông đang sinh sống.

+ Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 14/11/2012 tại Văn phòng C vô hiệu. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp đổi cho ông Nguyễn Tý T1, ông Nguyễn Q thì ông không đồng ý, yêu cầu giữ nguyên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông.

+ Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố tờ di chúc ngày 24/01/2000 là không hợp pháp, ông không đồng ý.

Ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp số O601443, diện tích 840m^2, thửa đất số 241, tờ bản đồ số 7, do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn T3 ngày 28/4/1999 vì thửa đất số 241 trước đó đã cấp cho ông Nguyễn T8.

Đối với căn nhà trên diện tích đất tranh chấp ông đã sửa sang lại, ông không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thu T4 trình bày: Bà là vợ của ông T1, bà thống nhất với lời trình bày của ông T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Thành T5 trình bày: Bà V, bà P, bà N1, ông T3 thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ do ông Phan Anh T6 đại diện trình bày:

Ngày 25/12/1998, hộ ông Nguyễn T8 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 117, 113, 528, 412, 580, 241 và 357, tờ bản đồ số 07 tại xã T, huyện Đ. Ngày 29/11/2012, ông Nguyễn Q được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ xác nhận được quyền sử dụng các thửa đất số 117, 113, 528, 241 và 357 theo Văn bản phân chia di sản thừa kế được Văn phòng C công chứng ngày 14/11/2012. Sau đó, ông Nguyễn Q đã chuyển quyền sử dụng các thửa 117, 113, 528 và 357 cho ông Nguyễn Tý T1 và ông T1 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/3/2013. Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 là đúng quy định của pháp luật. Nay các đương sự khởi kiện cho rằng văn bản công chứng không hợp pháp vì bỏ sót người thừa kế và yêu cầu hủy văn bản công chứng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Riêng đối với hai thửa đất số 412 và 580, tờ bản đồ số 07, thời điểm làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q đã phát hiện thực tế hai thửa đất này do các cá nhân khác sử dụng và đã được cấp quyền sử dụng đất, hơn nữa từ trước đến nay hộ ông T8 không sử dụng đất và ông Q thống nhất việc hộ không sử dụng đất, đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất này nên không thực hiện việc cấp đổi đối với hai thửa đất trên cho ông Q theo văn bản công chứng. Hiện nay Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đang làm thủ tục đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T8 đối với hai thửa đất số 412 và 580, tờ bản đồ số 07 nên đề nghị Tòa án không xem xét chia hai thửa đất này trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C (nay là Văn phòng C1) trình bày:

Ngày 14/11/2012, Văn phòng C thực hiện công chứng Văn bản phân chia di sản của ông Nguyễn T8, số công chứng 21874, quyển số 15TP/CC-SCC/HĐGD theo đúng trình tự thủ tục. Nay được biết văn bản đã bỏ sót người thừa kế do đương sự khai và cam đoan không đúng tại Văn phòng công chứng, các đương sự đều yêu cầu được hủy văn bản công chứng, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại Tờ tường trình ngày 01/8/2023, Văn phòng C1 xác định việc Văn phòng C thực hiện công chứng Văn bản phân chia tài sản thừa kế số công chứng 21874 ngày 14/11/2012 là đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 35, 36 Luật Công chứng 2006, Bộ luật Dân sự và các pháp luật có liên quan.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng. Xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu K và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Tấn D1, ông Nguyễn Tấn T3, bà Nguyễn Thị L.

- Tuyên bố Tờ di chúc ngày 24/01/2000 của ông Nguyễn T8, bà Phan Thị T10 là không hợp pháp.

- Tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế được Văn phòng C (nay là Văn phòng C1) công chứng số 21874, quyển số 15TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/11/2012 giữa bà Phan Thị T10 và ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị Lập l vô hiệu toàn bộ.

- Hủy xác nhận thay đổi ngày 29/11/2012 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ xác nhận cho ông Nguyễn Q được toàn quyền sử dụng (thửa đất số 357) theo Văn bản phân chia tài sản thừa kế được Văn phòng C, quyển số 15TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/11/2012.

- Hủy xác nhận thay đổi ngày 29/11/2012 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ xác nhận cho ông Nguyễn Q được toàn quyền sử dụng diện tích đất trong giấy chứng nhận (gồm thửa đất số 177, 113, 528, 241 và 412, 580) theo Văn bản phân chia tài sản thừa kế được Văn phòng C công chứng số 21874, quyển số 15TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/11/2012.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã T số 316/2013, Q01/2010 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 09/01/2013 (ông Nguyễn Quý t cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Tý T1).

- Hủy Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 446/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 543945 cấp cho ông Nguyễn Q đối với diện tích đất 840m2, thửa đất số 241, tờ bản đồ số 7, tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Hủy Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 446/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM543941, BM543942, BM543943, BM543944 cấp cho ông Nguyễn Tý T1 đối với các diện tích đất 5.319m2, thửa đất số 177, tờ bản đồ số 7; diện tích đất 1908m2, thửa đất số 113, tờ bản đồ số 7; diện tích đất 398m2, thửa đất số 357, tờ bản đồ số 7; diện tích đất 964m2, thửa đất số 528, tờ bản đồ số 7 tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Hủy Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3212/QSDĐ/218/QĐ (H) ngày 28/4/1999 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O601443 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 28/4/1999

cho hộ ông Nguyễn Tấn T3, thửa đất số 241/840m2, tờ bản đồ số 7 tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tý T1 về việc chia di sản thừa kế theo Tờ di chúc ngày 24/01/2000 của ông Nguyễn T8, bà Phan Thị Thới .

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu K và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Tấn D1, ông Nguyễn Tấn T3, bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn T8 (1922 – 2011) và bà Phan Thị T10 (1926 – 2014), gồm có 07 người con chung: Ông Nguyễn Q, ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Tấn D1, bà Nguyễn Thị Thu K, ông Nguyễn Tấn T3, bà Nguyễn Thị L.

- Xác định khối di sản thừa kế do ông Nguyễn T8 và bà Phan Thị T10 chết để lại gồm:

+ Thửa đất số 357/398m2, mục đích sử dụng (ĐRM) tờ bản đồ số 07, tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 28/11/2000 cho hộ ông Nguyễn T8, trên đất có trồng cà phê Robusta.

+ Các thửa đất số 177/5319m2, mục đích sử dụng (400m2-T; 4919-LN); Tài sản trên thửa đất số 177 gồm: Một ngôi nhà 36,54m2 (cấp 4C) móng xây gạch, đá, trụ gạch và gỗ chịu lực, mái lợp ngói, đà gỗ, không có la phông; Một ngôi nhà 41m2 (nhà tạm loại A), móng xây gạch đá, mái lợp tôn, vách xây gạch, nền ciment; một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm một bộ bàn ghế salông gỗ, một tủ gỗ và một bộ bàn ghế hình chữ nhật bằng gỗ; trên đất có trồng cà phê Robusta; thửa đất số 241/840m2, mục đích sử dụng (Lúa) - thửa đất số 241 giảm 44m2 do Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi để thực hiện dự án hồ chứa nước, diện tích còn lại là 796m2; thửa đất số 113/1908m2, mục đích sử dụng (LN) trên đất có trồng cà phê Robusta; thửa đất số 528/964m2, mục đích sử dụng (Lúa); trên đất có trồng cà phê Robusta, thuộc tờ bản đồ số 07, tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25/12/1998 cho hộ ông Nguyễn T8.

Toàn bộ khối di sản trên đều do ông Nguyễn Tý T1 là cháu nội của ông T8, bà T10 đang canh tác, quản lý, sử dụng.

Nhà và đất trên đều tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tổng giá trị: Nhà và đất, cây trồng là 11.216.570.000 đồng.

+ Sản lượng cà phê thu hoạch của vụ mùa năm 2014 do ông Nguyễn Tý T1 thu hoạch quản lý 2.000kg cà phê Robusta nhân khô.

Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật bằng hiện vật, cụ thể như sau:

+ Chia cho bà Nguyễn Thị Thu K và ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Tấn D1, ông Nguyễn Tấn T3, bà Nguyễn Thị L thửa đất số 177/5319m2, mục đích sử dụng (400m2-T; 4919-LN) trên đất có trồng cà phê Robusta và thửa đất số 241/840m2, mục đích sử dụng (Lúa) - thửa đất số 241 giảm 44m2 do Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi để thực hiện dự án hồ chứa nước, diện tích còn lại là 796m2;

thuộc tờ bản đồ số 07, tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25/12/1998 cho hộ ông Nguyễn T8 thành 06 kỷ phần, mỗi người 01 kỷ phần. Bà K, ông N, bà D, ông D1, ông T3, bà L (do ông N làm đại diện) tự thỏa thuận phân chia và đứng tên đồng sử dụng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 177 và 241.

+ Chia cho bà Nguyễn Thị L: Một ngôi nhà 36,54m2 (cấp 4C) móng xây gạch, đá, trụ gạch và gỗ chịu lực, mái lợp ngói, đà gỗ, không có la phông; Một ngôi nhà 41m2 (nhà tạm loại A), móng xây gạch đá, mái lợp tôn, vách xây gạch, nền ciment; một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm một bộ bàn ghế salông gỗ, một tủ gỗ và một bộ bàn ghế hình chữ nhật bằng gỗ và 51.428.572 đồng tiền cà phê của vụ mùa năm 2014 do ông Nguyễn Tý T1 giao lại.

Đối với di sản được chia cho bà Nguyễn Thị L giao cho ông Nguyễn N là đại diện theo pháp luật của bà Nguyễn Thị L quản lý cho bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật.

+ Chia cho ông Nguyễn Q thửa đất số 357/398m2, mục đích sử dụng (ĐRM) tờ bản đồ số 07, tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 28/11/2000 cho hộ ông Nguyễn T8, trên đất có trồng cà phê Robusta; thửa đất số 113/1908m2, mục đích sử dụng (LN) trên đất có trồng cà phê Robusta và thửa đất số 528/964m2, mục đích sử dụng (Lúa); trên đất có trồng cà phê Robusta, thuộc tờ bản đồ số 07, tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25/12/1998 cho hộ ông Nguyễn T8.

Chia cho ông Nguyễn Q 8.571.428 đồng tiền cà phê của vụ mùa năm 2014 do ông Nguyễn Tý T1 giao lại.

- Tất cả nhà ở và các diện tích đất đều tọa lạc tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Buộc ông Nguyễn Tý T1 phải giao lại khối tài sản thừa kế gồm: Ngôi nhà 36,54m2 (cấp 4C), ngôi nhà 41m2 (nhà tạm loại A) và một bộ bàn ghế salông gỗ, một tủ gỗ và một bộ bàn ghế hình chữ nhật bằng gỗ. Diện tích đất 5.319m2, thửa đất số 177, tờ bản đồ số 7, trên đất đang trồng cây cà phê Robusta. Diện tích đất 1.908m2 CLN, thửa đất số 113, tờ bản đồ số 7, trên đất đang trồng cây cà phê Robusta. Diện tích đất 398m2 CLN, thửa đất số 357, tờ bản đồ số 7 và diện tích 964m2 CLN, thửa đất số 528, tờ bản đồ số 7, đều đang trồng cây cà phê Robusta trên đất. Diện tích đất 840m2 Lúa – đã giảm 44m2 còn 796m2, thửa đất số 241, tờ bản đồ số 7 cho những người được chia thừa kế. Giao lại sản lượng cà phê thu hoạch vụ mùa năm 2014 do ông Nguyễn Tý T1 thu hoạch quản lý 2.000kg là 60.000.000 đồng cà phê Robusta nhân khô, hiện do ông T1 đang quản lý sử dụng cho những người được chia thừa kế là ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra quyết định của bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/10/2023, bị đơn ông Nguyễn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tý T1 kháng cáo đề nghị hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Bị đơn ông Q (do ông T1 là người đại diện theo ủy quyền) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q, ông T1 là luật sư T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà K, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà K là luật sư T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, ông D1, ông T3 không kháng cáo, đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T4 không kháng cáo, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị V, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Thành T5, Ủy ban nhân dân huyện Đ, Văn phòng công chứng Nguyễn Đức T7 vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xuất phát từ việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố tờ di chúc ngày 24/01/2000 là không hợp pháp; tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 14/11/2012 tại Văn phòng C là vô hiệu; tuyên hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp đổi cho ông Nguyễn Q, ông Nguyễn Tý T1; chia di sản thừa kế của ông T8, bà T10, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O601443, diện tích 840m^2, thửa đất số 241, tờ bản đồ số 7, do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho hộ ông N2 Tấn Thành ngày 28/4/1999. Bị đơn ông Nguyễn Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tý T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; tranh chấp về thừa kế tài sản theo di chúc và theo pháp luật; yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức" là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tý T1 thấy rằng:

[2.1] Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn T8 (1922 – 2011) và bà Phan Thị T10 (1926 – 2014), gồm có 07 người con chung, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Q, ông Nguyễn N, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Tấn D1, bà Nguyễn Thị Thu K,

ông Nguyễn Tấn T3, bà Nguyễn Thị L là hàng thừa kế thứ nhất của ông T8, bà T10 là có căn cứ.

[2.2] Về di sản thừa kế: Các đương sự thừa nhận trong quá trình chung sống ông T8, bà T10 khi chết để lại các tài sản sau:

- Thửa đất số 357/398m2, tờ bản đồ số 07, tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có trồng cà phê.

- Thửa đất số 113/1908m2, tờ bản đồ số 07, tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có trồng cà phê.

- Thửa đất số 241/840m2, tờ bản đồ số 07, tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, đất trồng lúa, hiện nay để trống.

- Thửa đất số 528/964m2, tờ bản đồ số 07, tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có trồng cà phê.

- Thửa đất số 177/5319m2, tờ bản đồ số 07, tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có trồng cà phê và 02 căn nhà cấp 4, hiện nay ông T1 đang quản lý, sử dụng, một căn nhà 36,54m2 (cấp 4C) móng xây gạch, đá, trụ gạch và gỗ chịu lực, mái lợp ngói, đà gỗ, không có la phông; một căn nhà 41m2 (nhà tạm loại A), móng xây gạch đá, mái lợp tôn, vách xây gạch, nền ciment; một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm một bộ bàn ghế salông gỗ, một tủ gỗ và một bộ bàn ghế hình chữ nhật bằng gỗ.

Toàn bộ khối di sản trên đều do ông T1 đang canh tác, quản lý, sử dụng.

- Đối với 2.000kg cà phê nhân vụ mùa năm 2014, ông T1 thừa nhận số cà phê này nhưng cho rằng sau khi ông T8 chết, ông là người chăm sóc bà T10 nên sản lượng cà phê trên thuộc về ông, không phải là di sản thừa kế nên các bên có tranh chấp về sản lượng cà phê này.

- Đối với thửa đất số 412/72m2 và 580/322m2 tờ bản đồ số 07, tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25/12/1998 đứng tên hộ ông Nguyễn T8. Tuy nhiên, 02 thửa đất này các đương sự xác nhận từ trước đến nay hộ ông Nguyễn T8 không quản lý sử dụng mà do người khác quản lý sử dụng và Ủy ban nhân dân huyện Đ cũng đề nghị thu hồi để cấp lại cho những người đang thực tế quản lý, sử dụng. Các đương sự thống nhất xác định đây không phải là di sản thừa kế của cụ T8, cụ T10 nên cần ghi nhận ý kiến này của các đương sự.

[2.3] Xét tờ di chúc lập ngày 24/01/2000 của ông Nguyễn T8, bà Phan Thị T10 thấy rằng:

[2.3.1] Về hình thức tờ di chúc lập ngày 24/01/2000 là bản phô tô, được viết bằng tay, có dấu vân tay, điểm chỉ của cụ T8, cụ T10 và có chữ ký xác nhận của xóm trưởng là ông Lê N3, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T ngày 26/01/2000. Ông Q và con gái ông Q là bà Nguyễn Thị Thu T11 xác nhận di chúc là do bà Nguyễn Thị Thu T11 viết.

Theo quy định tại Điều 659 Bộ luật dân sự 1995: " Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nhưng

phải có ít nhất hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc."

Như vậy, ông T8, bà T10 là người lập di chúc, không biết chữ, không tự tay viết di chúc mà nhờ người khác viết di chúc nhưng không có hai người làm chứng. Bản thân ông N3 cũng thừa nhận bản di chúc trên được ông T8, bà T10 mang đến nhà ông, sau khi đọc lại nội dung cho ông T8, bà T10 nghe ông ký xác nhận vào di chúc và hướng dẫn mang lên Ủy ban nhân dân xã để chứng thực. Còn bà Mai Thị L1 là cán bộ tư pháp xã T thừa nhận bản di chúc được ông T8, bà T10 đưa đến vào ngày 26/01/2000, sau khi đọc lại bản di chúc cho ông T8, bà T10 và ông Hoàng Mạnh D2 – Phó Chủ tịch xã nghe thì bà viết nội dung chứng thực vào bản di chúc và trình ông D2 ký chứng thực. Ông D2 cũng thừa nhận nội dung này. Hiện nay không có hồ sơ lưu trữ về chứng thực bản di chúc trên, bản di chúc gồm 2 trang nhưng các trang không được đánh số thứ tự và không có điểm chỉ từng trang nên về hình thức của di chúc không đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của di chúc theo quy định của pháp luật.

[2.3.2] Về nội dung: Thể hiện ông T8, bà T10 để tài sản cho ông T1 (cháu nội), bà L (con gái) có điều kiện, tuy nhiên sau khi ông T8 chết, ông Q đã lập văn bản phân chia di sản thừa kế xác định ông T8 không để lại di chúc, bà T10 cũng xác định không lập di chúc nhưng khi kê khai về hàng thừa kế của ông T8 đã bỏ sót các đồng thừa kế khác để khai nhận di sản của ông T8 để lại và phần tài sản của bà T10 cùng tạo lập với ông T8 và sang tên toàn bộ cho ông Q, sau đó làm thủ tục tặng cho và giao toàn bộ di sản của ông T8 và tài sản của bà T10 cho ông T1 quản lý, sử dụng cho đến nay. Trong khi đó theo nội dung di chúc ông T1 chỉ được nhận diện tích khuôn viên nhà 49m2 phần còn lại tại thửa 177 vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của ông T8, bà T10 và sau khi bà T10 chết, bản thân ông T1 cũng không thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng bà L theo như nội dung di chúc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc ngày 24/01/2000 của ông T8, bà T10 không hợp pháp là có căn cứ.

[2.4] Đối với Văn bản phân chia di sản thừa kế được Văn phòng C, quyển số 15TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/11/2012 giữa bà Phan Thị T10, ông Nguyễn Q, bà Nguyễn Thị L thấy rằng: Các đương sự đều thừa nhận, hàng thừa kế thứ nhất của ông T8 gồm bà T10 và 07 người con nhưng văn bản phân chia di sản thừa kế lại chỉ xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông T8 chỉ có bà T10, ông Q, bà L là gian dối và bỏ sót ông N, bà D, ông D2, bà K, ông T3 cũng là hàng thừa kế thứ nhất của ông T8. Riêng bà L là người mất năng lực hành vi dân sự nhưng không có người đại diện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định văn bản phân chia di sản thừa kế trên vô hiệu là có căn cứ.

[2.5] Do xác định di chúc ngày 24/01/2000 của ông T8, bà T10 không hợp pháp và văn bản phân chia di sản thừa kế vô hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để chia di sản của ông T8, bà T10 theo pháp luật là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận diện tích đất trên thực tế có sự thay đổi so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Cụ

thể: Thửa đất số 241 được cấp 796m2 và thửa đất số 177 diện tích đất được cấp 5.319m2 nhưng diện tích đất đo đạc thực tế của thửa đất số 241 và 177 là 6960,6m2 theo Họa đồ đo đạc hiện trạng ngày 21/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Các đương sự đều xác định đối với thửa đất số 177 diện tích đất được cấp ít hơn so với diện tích đất đang quản lý, sử dụng và phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này trên thực tế được ông T8, bà T10 quản lý, sử dụng cho đến khi chết và ông T1 là người đang trực tiếp canh tác đối với toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 177 này không có tranh chấp và thừa nhận đây là di sản của ông T8, bà T10 để lại. Các đương sự đều thừa nhận phần diện tích đất 845,6m2 theo Họa đồ đo đạc hiện trạng ngày 21/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ tương ứng thuộc một phần thửa đất số 289, 290 một phần mương nước tờ bản đồ số 07 (299) tại xã T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng là phần diện tích đất của ông T8, bà T10 quản lý, sử dụng từ trước đến nay không tranh chấp với ai.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh thu thập làm rõ đối với phần diện tích đất tăng thêm của thửa đất số 177 là bao nhiêu, nằm ở vị trí tiếp giáp thửa 241 là thửa đất nào, thuộc một phần thửa đất số 289, 290 một phần mương nước tờ bản đồ số 07 (299) hay thửa đất số 300, có đủ điều kiện xét cấp hay không để xem xét đưa vào khối di sản của ông T8, bà T10 để lại để chia theo quy định của pháp luật là bỏ sót di sản thừa kế, chưa giải quyết triệt để vụ án. Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao cho Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết lại theo thủ tục chung.

Do hủy án nên không xem xét giải quyết yêu cầu kháng cáo của ông Q, ông T1.

[3] Về chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4] Về án phí: Do hủy án nên ông Q, ông T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Q, ông Nguyễn Tý T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Tý T1 số tiền 300.000đ đã tạm nộp theo biên lai thu số 0002239 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng.

3. Về chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Đức Trọng (02);
- Chi cục THADS huyện Đức Trọng;
- Người tham gia tố tụng (20);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (05).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Tâm